Name: ……..

Class: S7

Tel: 034 200 9294

Vocabulary & Grammar: ……

Listening: ……..

Mini Test: ……..

Ngày GV giao bài: Thứ …… ngày ……/…….

Ngày HS nộp bài: Thứ …… ngày ……/…….

GLOBAL ENGLISH 7

UNIT 6 – SPORTS AND GAMES – VOCABULARY 2 & FCE LISTENING

Lưu ý: *Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu đề có chú thích nghĩa: Con về nhà chép mỗi từ 1 dòng để ghi nhớ nhé.*

A. VOCABULARY

- Paralympic (Thế vận hội dành cho người khuyết tật)

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**alpine skiing** (n phr.)	môn trượt tuyết núi cao	4	**ice sledge hockey** (n phr.)	môn khúc côn cầu trên băng dùng xe trượt
2	**cross-country skiing** (n phr.)	môn trượt tuyết băng đồng	5	**wheelchair curling** (n phr.)	môn bi đá trên băng dành cho người khuyết tật ngồi xe lăn
3	**para-snowboarding** (n)	môn trượt ván tuyết dành cho người khuyết tật	6	**the disabled** (n)	người khuyết tật

- Football (Bóng đá)

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**against** (prep)	chống lại, đấu với	8	**opening/closing ceremony** (n phr.)	lễ khai mạc/ bế mạc
2	**score** (v)	ghi bàn	9	**be crowned with** (phr.v)	được trao danh hiệu/ nhận vinh dự
3	**three-all** (n)	tỷ số hòa 3-3	10	**biathlon** (n)	hai môn phối hợp
4	**a draw** (n)	trận hòa	11	**decathlon** (n)	mười môn phối hợp
5	**a penalty shoot-out** (n phr.)	loạt sút luân lưu	12	**pentathlon** (n)	năm môn phối hợp
6	**win on penalties**	thắng nhờ loạt sút luân lưu	13	**triathlon** (n)	ba môn phối hợp
7	**gymnasium** (n)	phòng tập thể dục, thể thao			

- Others

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**chuck sb out** (phr.v)	đuổi ai đó ra ngoài	4	**troop off** (phr.v)	rời đi thành nhóm, nối đuôi nhau đi ra
2	**give sb a go** (phr.v)	cho ai đó thử làm gì	5	**lurch** (v)	lảo đảo, chao đảo
3	**yell** (v)	hét, la hét	6	**gasp** (v)	há hốc miệng vì kinh ngạc, thở hổn hển

B. EXTRA VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**to get through** (phr.v)	vượt qua, hoàn thành	6	**realistic** (adj)	thực tế, giống thật
2	**reception desk** (n phr.)	quầy lễ tân, nơi đón tiếp khách	7	**staff discount** (n phr.)	chiết khấu cho nhân viên
3	**overlook** (v)	nhìn ra (cảnh từ trên cao)	8	**prawn** (n)	con tôm
4	**luxury** (n)	sự xa xỉ, sự sang trọng	9	**peculiar** (adj)	kỳ lạ, khác thường
5	**astonishing** (adj)	đáng kinh ngạc	10	**discipline** (n)	kỷ luật, sự tự giác

LIVEWORKSHEETS

*Note: *n = noun: danh từ;* *adj = adjective: tính từ;* *n phr. = noun phrase: cụm danh từ;*
v = verb: động từ; *phr.v = phrasal verb: cụm động từ;* *prep = preposition: giới từ*
*Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

C. HOMEWORK

I. Choose the correct option (A, B, C, or D) to complete the paragraph below.

The Paralympic Games bring together *(0)* _____ from around the world to compete in various sports. One of the most physically demanding events is (1) _____, which requires athletes to navigate snow-covered trails using skis and poles. Another popular event is the (2) _____, a unique combination of skiing and shooting that tests both endurance and precision.

In the world of football, some matches can end in (3) _____, leading to intense moments like a penalty shoot-out. During these games, fans often (4) _____ loudly to support their favorite teams. At the end of such thrilling events, the champions are often (5) _____ medals at the grand closing ceremony, marking their incredible achievements.

0.	*(A.) the disabled*	*B. score*	*C. pentathlon*	*D. gymnasium*
1.	A. alpine skiing	B. cross-country skiing	C. para-snowboarding	D. wheelchair curling
2.	A. ice sledge	B. triathlon	C. decathlon	D. biathlon
3.	A. a ceremony	B. a draw	C. a score	D. a win
4.	A. gasp	B. chuck	C. yell	D. lurch
5.	A. crowned with	B. against	C. given	D. chucked out

II. Rearrange the words to make complete sentences.

0. teacher / The / us / homework / some / at the end / the class. / gave / of

➔ ***The teacher gave us some homework at the end of the class.***

1. designed / swimming pool / for / local community / the / children / was / to use. / The

➔ _____

2. They showed / overcome / to / challenges / the / great determination / faced. / they

➔ _____

3. A brand-new / city / the / was opened / sports center / last month. / in

➔ _____

4. friendship / Strong / is / based on / trust / and / often / respect.

➔ _____

5. daily / My / includes / a quick / the gym. / fitness routine / workout / at

➔ _____

D. CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Lưu ý:

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài đọc.

LIVEWORKSHEETS

Con hãy làm bài nghe PET theo link sau:
https://on.soundcloud.com/p8k4P14aZhBdiKVG6

Part 4

30 For each question, choose the correct answer.

You will hear an interview with the manager of a new leisure centre.

20 Why is the leisure centre already so popular?

A It's the only leisure centre in the area.
B People have heard a lot about it.
C It has an excellent gym.

21 What will be added to the leisure centre soon?

A two new swimming pools
B a diving area
C a pool for children

22 The manager wants to improve the gym by

A buying more equipment.
B employing more staff.
C opening for more hours.

23 From next week, there will be

A an outdoor basketball court.
B a new court for volleyball.
C more tennis courts.

24 Who gives the scuba-diving lessons?

A a swimming instructor from the leisure centre
B instructors from a local diving school
C the manager himself

25 What is different about the leisure centre?

A The café sells healthy food.
B It's cheaper than most other centres.
C It offers discounts.

LIVEWORKSHEETS

Con hãy làm các bài nghe dưới đây theo link sau:
https://on.soundcloud.com/RK8NrWbykY73XqTK7

I. Classwork:

Part 1: You will hear people talking in different situations. Answer the following questions (1-6).

***Note:** For general questions, listen to the entire track.

- General Questions:

1. What are the main themes discussed by the speakers in these extracts?
   A. Challenges and experiences in daily life.
   B. Travel plans and cultural differences.
   C. Professional advice and technical skills.

2. What is the tone of the conversations?
   A. Critical and frustrated.
   B. Casual and conversational.
   C. Formal and professional.

3. What can listeners learn from these conversations?
   A. People's preferences and complaints.
   B. Information about educational resources.
   C. Ways to manage personal time effectively.

- Detailed Questions:

4. You hear a woman talking about a new film.
   How did she feel after seeing it?
   A. confused
   B. frustrated
   C. sad

5. You hear a woman telling a friend about her job in a supermarket.
   What was she doing there this morning?
   A. working on the checkout
   B. filling the shelves
   C. serving at the fish counter

6. You hear a man talking about a band he saw at a concert.
   What is he critical of?
   A. the image of the band
   B. the quality of the music
   C. the length of the show

LIVEWORKSHEETS

II. Homework: You will hear people talking in different situations. Answer the following questions (1–6).

1. You hear two friends talking about a book.
   What does the boy like about it?
   A. It's short.
   B. It's educational.
   C. It's amusing.

2. You hear a man talking about family holidays as a teenager.
   What part did he find most enjoyable about them?
   A. the journey
   B. being outdoors
   C. watching films

3. You hear two friends talking about a hotel they stayed in.
   What do they agree about it?
   A. The location was convenient.
   B. The staff were friendly.
   C. The room was comfortable.

4. You hear a woman talking about a new film she watched.
   Why didn't she enjoy it?
   A. The ending was too predictable.
   B. It didn't feel realistic.
   C. The acting was poor.

5. You hear a woman talking about her part-time job at a supermarket.
   What does she enjoy about it?
   A. Chatting with customers.
   B. Getting a discount on products.
   C. Arranging items on shelves.

6. You hear a sports instructor giving advice.
   What is he explaining?
   A. How to move efficiently in water.
   B. Why breathing techniques are critical.
   C. The importance of swimming equipment.

EXTRA VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1			6		
2			7		
3			8		
4			9		
5			10		

LIVEWORKSHEETS